

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: **02/2020/KDTM- PT**

Ngày 26- 3- 2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng
hóa”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà.

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ

Ông Nguyễn Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Vũ Hồng Thanh-
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 20 và 26 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2019/TLPT-KDTM ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 12/2019/KDTM-ST ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2020/QĐPT-KDTM ngày 24 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Anh Phan Văn S, sinh năm 1962.

1.2 Chị Phó Thị Xuân D, sinh năm 1966.

Cùng cư trú: Số 74 TĐT, ấp T 2, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh AG.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Quách Thanh Phong, sinh năm 1977, nơi cư trú: Ấp T 2, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh AG là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 19/3/2020 (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1 Anh Phan Văn T, sinh năm 1979.

2.2 Chị Phạm Thị T1, sinh năm 1979.

Cùng cư trú: Tổ 9, ấp PT, xã PT, huyện PT, tỉnh AG.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Nguyễn Lưu Quang, sinh năm 1984, nơi cư trú: Khóm ĐT 2, phường MPhước, thành phố LX, tỉnh AG là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 09/3/2020 (Có mặt).

3. Người kháng cáo: Anh Phan Văn T và chị Phạm Thị T1 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là anh Phan Văn S và chị Phó Thị Xuân D ủy quyền cho anh Quách Thanh Phong trình bày:

Trước đây không nhớ năm nào anh S, chị D và anh Phan Văn T, chị Phạm Thị T1 đều là chủ doanh nghiệp tư nhân giao kết mua bán phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, hình thức mua bán bằng lời nói, anh T và chị T1 mua nhiều đợt, có đợt trả tiền đủ, có đợt trả tiền thiếu lại một phần. Đến ngày 06/01/2017 hai bên kết toán, anh T, chị T1 còn nợ 2.319.271.000đ và làm Biên nhận nợ ngày 06/01/2017, hai bên thỏa thuận miệng tính tiền lãi 1%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả và hai bên vẫn tiếp tục mua bán nhiều lần đều trả tiền đủ. Riêng số nợ 2.319.271.000đ anh T, chị T1 có trả nhiều lần đến ngày 26/5/2018 được 452.000.000đ có tiền lãi là do tính nhầm, còn lại 2.235.271.000đ đến nay chưa trả. Tại phiên tòa anh Phong khai anh T, chị T1 chỉ trả được 84.000.000đ và không có trả tiền lãi. Chứng cứ của anh S, chị D là Biên nhận nợ ngày 06/01/2017 do anh T viết và anh T, chị T1 cùng ký tên. Tại Kết luận giám định số 2189/C09B ngày 16/5/2019 và Kết luận giám định số 3619/C09B ngày 25/9/2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh- Bộ Công an xác định đúng là chữ ký và chữ viết của anh T, chị T1.

Do anh T, chị T1 vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên anh S, chị D yêu cầu:

- Buộc anh T, chị T1 trả cho anh S, chị D số tiền 2.235.271.000đ và tính lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 01/7/2018 (hai bên không còn mua bán) đến ngày xét xử;

- Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2019/QĐ-BPKCTT ngày 24/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang để đảm bảo cho việc thi hành án sau này.

Bị đơn là anh Phan Văn T và chị Phạm Thị T1 trình bày:

Anh T, chị T1 có mua bán phân bón và thuốc bảo vệ thực vật với anh S, chị D nhưng đã trả đủ tiền. Đối với biên nhận nợ ngày 06/01/2017 không phải chữ ký và chữ viết của anh T, chị T1.

Quá trình giải quyết vụ án anh Phong (đại diện nguyên đơn) yêu cầu Tòa án phong tỏa tài sản của anh T, chị T1 để bảo đảm cho việc thi hành án sau này, theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 09/2019/QĐ-BPDB ngày 23/7/2019 của Tòa án anh S, chị D đã nộp tiền bảo đảm 22.000.000đ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn- Chi nhánh huyện Phú Tân, Tòa án đã ban hành Quyết định số 10/2019/QĐ-BPKCTT ngày 24/7/2019 áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ là anh T, chị T1, gồm các tài sản là 03 mảnh đất ở tại xã PT, huyện PT, tỉnh AG do anh T, chị T1 đứng tên: Diện tích 89,1m² thuộc tờ bản đồ số 12, thửa đất số 42 theo Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân cấp số H00923gC ngày 24/11/2009; diện tích 90m² thuộc tờ bản đồ số 12, thửa đất số 67 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân cấp số CH01304 ngày 26/10/2011; diện tích 92,7m² thuộc tờ bản đồ số 12, thửa đất số 234 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân cấp số CH01356 ngày 16/01/2012.

Ngày 15/11/2019 Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản bị phong tỏa nêu trên, kết quả 03 mảnh đất bị phong tỏa hiện nay do anh T, chị T1 đang quản lý sử dụng, cụ thể diện tích 89,1m² gắn liền nhà ở của anh T, chị T1, kết cấu nhà cột bê tông, cốt thép, mái tol, nền gạch, tiếp giáp với diện tích 92,7m² gắn liền cửa hàng mua bán vật tư nông nghiệp ở của anh T, chị T1, kết cấu cột bê tông, cốt thép, tường gạch, mái tol, nền lát gạch men, hai diện tích này thuộc ấp Phú Trung, xã PT, huyện PT, tỉnh AG, diện tích 90m² thuộc cụm dân cư ấp Phú Thượng, xã PT, huyện PT, tỉnh AG, là nền đất trống, không có vật kiến trúc và cây trồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh T, chị T1 ủy quyền cho anh Quang trình bày thực tế anh T, chị T1 có thiếu của anh S, chị D khoảng 1.300.000.000đ nhưng anh S, chị D tính lãi nhập lãi nên số nợ mới lên đến 2.319.271.000đ, tuy nhiên anh T và chị T1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Anh T, chị T1 không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của anh S, chị D.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2019/KDTM-ST ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Phan Văn S, chị Phó Thị Xuân D. Buộc anh Phan Văn T, chị Phạm Thị T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Phan Văn S, chị Phó Thị Xuân D số tiền 2.235.271.000đ và tiền lãi 370.160.000đ, cộng chung là 2.605.431.000đ.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2019/QĐ-BPKCTT ngày 24/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang để bảo đảm cho việc thi hành án sau này.

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật hoàn trả cho anh Phan Văn S, chị Phó Thị Xuân D số tiền bảo đảm 22.000.000đ theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 09/2019/QĐ-BPĐB ngày 23/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

4. Về chi phí tố tụng: Anh Phan Văn T, chị Phạm Thị T1 phải hoàn trả lại cho Phan Văn S, chị Phó Thị Xuân D 13.820.000đ.

6. Án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

- Anh Phan Văn T, chị Phạm Thị T1 phải chịu 84.108.000đ.

- Hoàn trả 38.352.000đ tiền tạm ứng án phí cho anh Phan Văn S, chị Phó Thị Xuân D theo biên lai thu tiền số 0005318 ngày 10/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19 tháng 12 năm 2019 anh Phan Văn T và chị Phạm Thị T1 nộp Đơn kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án số: 12/2019/KDTM-ST ngày 10/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân. Tại phiên tòa, anh T và chị T1 ủy quyền cho anh Quang yêu cầu được hủy bản án sơ thẩm, vì cấp sơ thẩm xác định anh T, chị T1 đồng bị đơn là sai tư cách tố tụng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh S, chị D nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh chị T1 có mua bán và nợ tiền của anh S, chị D và tính lãi chồng lãi gây thiệt hại cho anh T, chị T1.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự phúc xử: Không chấp nhận kháng cáo của anh Phan Văn T và chị Phạm Thị T1, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2019/KDTM-ST ngày 10/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phan Văn T và chị Phạm Thị T1 kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định nên đủ cơ sở pháp lý để xem xét yêu cầu kháng cáo của anh chị theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là anh Phan Văn S, chị Phó Thị Xuân D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn là anh Phan Văn T, chị Phạm Thị T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo để kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án số 12/2019/KDTM-ST ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T và chị T1 ủy quyền cho anh Quang yêu cầu được hủy bản án sơ thẩm, vì cấp sơ thẩm xác định anh T, chị T1 đồng bị đơn là sai tư cách tố tụng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh S, chị D nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh chị T1 có mua bán và nợ tiền của anh S, chị D và tính lãi chồng lãi gây thiệt hại cho anh T, chị T1. Xét kháng cáo của anh T và chị T1, Hội đồng xét xử nhận định từng nội dung như sau:

[3] Về tư cách tham gia tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách tham gia tố tụng giữa nguyên đơn là anh Phan Văn S, chị Phó Thị Xuân D và bị đơn là anh Phan Văn T, chị Phạm Thị T1 là chưa chính xác. Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế doanh nghiệp tư nhân số: 1601284541 đăng ký lần đầu ngày 12/01/2010 cấp cho Doanh nghiệp tư nhân Ngọc S do chị Phó Thị Xuân D- chủ doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số: 52.E8002551 đăng ký lần đầu ngày 12/4/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 21/10/2015 cấp cho anh Phan Văn T là chủ hộ kinh doanh nên Tòa án cấp sơ thẩm

cần xác định tư cách tham gia tố tụng giữa nguyên đơn là Doanh nghiệp tư nhân Ngọc S do chị Phó Thị Xuân D- Chủ doanh nghiệp, bị đơn là anh Phan Văn T- đại diện hộ kinh doanh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phan Văn S, chị Phạm Thị T1. Tuy nhiên, thiếu sót không lớn và cũng không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của hai bên nên cần nêu lên để cấp sơ thẩm rút nghiệm.

[4] Về hình thức hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai bên được thể hiện bằng lời nói, hai bên đều có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đều nhằm mục đích lợi nhuận nên cấp sơ thẩm xét xử án kinh doanh thương mại là có căn cứ. Anh S, chị D yêu cầu anh T, chị T1 phải thanh toán số tiền 2.319.271.000đ theo Biên nhận nợ ngày 06/01/2017 và lãi suất theo quy định của pháp luật. Anh T, chị T1 ủy quyền cho anh Quang không đồng ý thanh toán tiền cho anh S, chị D và Biên nhận nợ ngày 06/01/2017 không phải chữ ký, chữ viết của anh T, chị T1. Căn cứ vào Kết luận giám định số 2189/C09B ngày 16/5/2019 và Kết luận giám định lại số 3619/C09B ngày 25/9/2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh- Bộ Công an đã kết luận:

1. Chữ ký và chữ viết họ tên dưới các chữ “6/01/2017” trên tài liệu cần giám định “Biên nhận nợ” ngày 06/01/2017 (ký hiệu A) so với chữ ký chữ viết đứng tên Phạm Thị T1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M5 đến M8, M10, M11, M15, M16, M17, M19 là do cùng một người ký và viết ra;

2. Chữ ký và chữ viết họ tên dưới các chữ “phú thành” trên tài liệu cần giám định “Biên nhận nợ” ngày 06/01/2017 (ký hiệu A) so với chữ ký chữ viết đứng tên Phan Văn T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M9, từ M12 đến M14, từ M17 đến M19 là do cùng một người ký và viết ra.

Do đó, chữ ký và chữ viết trên Biên nhận nợ ngày 06/01/2017 là của anh T và chị T1, nội dung Biên nhận nợ ngày 06/01/2017 thể hiện anh T, chị T1 còn nợ anh S số tiền 2.319.271.000đ. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án anh S, chị D thừa nhận vào ngày 26/5/2018 anh T, chị T1 có trả cho anh S, chị D số tiền 452.000.000đ. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T và chị T1 ủy quyền cho anh Quang trình bày anh T, chị T1 có thiếu của anh S, chị D khoảng 1.300.000.000đ nhưng anh S, chị D tính lãi nhập lãi nên số nợ mới lên đến 2.319.271.000đ. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày ra anh T, chị T1 không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Cấp sơ thẩm đã tính lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử theo mức lãi suất 0,92%/tháng là có căn cứ. Như vậy, lãi suất sẽ được tính như sau:

- Từ ngày 06/01/2017 đến ngày 26/5/2018 là 01 năm 04 tháng 20 ngày

$2.319.271.000đ \times 0,92\%/tháng \times 01 \text{ năm } 04 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} = 355.621.000đ$

Số tiền 452.000.000đ đã trả được khấu trừ tiền lãi phải trả là 355.621.000đ, còn số tiền 96.379.000đ được khấu trừ vào số tiền 2.319.271.000đ nên số nợ còn phải thanh toán là 2.222.892.000đ.

- Từ ngày 27/5/2018 đến ngày 10/12/2019 là 01 năm 06 tháng 13 ngày

$2.222.892.000đ \times 0,92\%/tháng \times 01 \text{ năm } 06 \text{ tháng } 13 \text{ ngày} = 376.972.000đ$

Như vậy, anh T và chị T1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh S, chị D số tiền 2.222.892.000đ và lãi 376.972.000đ, tổng cộng: 2.599.864.000đ.

[5] Do anh T và chị T1 phải thanh toán cho anh S, chị D số tiền 2.599.864.000đ nên anh S, chị D yêu cầu được tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2019/QĐ-BPKCTT ngày 24/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân để đảm bảo trong giai đoạn thi hành án như cấp sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ.

Các phần khác của bản án các đương sự không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị nên được giữ nguyên.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu được hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm của anh T, chị T1 và chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh T, chị T1. Sửa Bản án số 12/2019/KDTM-ST ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân như đã nhận định trên.

[6] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của anh T, chị T1 được chấp nhận một phần nên anh chị không phải nộp án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, anh T và chị T1 được nhận tại tiền tạm ứng đã nộp.

Anh T và chị T1 phải nộp 83.997.000đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 315 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Phan Văn T và chị Phạm Thị T1. Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 12/2019/KDTM-ST ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

3. Buộc anh Phan Văn T và chị Phạm Thị T1 phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho anh Phan Văn S, chị Phó Thị Xuân D số tiền 2.222.892.000đ và lãi 376.972.000đ. Tổng cộng: 2.599.864.000đ (Hai tỷ năm trăm chín mươi chín triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

4. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 10/2019/QĐ-BPKCTT ngày 24/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân để đảm bảo trong giai đoạn thi hành án.

5. Anh Phan Văn S và chị Phó Thị Xuân D được nhận lại số tiền 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng) tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- chi nhánh Phú Tân theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 09/2019/QĐ-BPĐB ngày 23/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

6. Về chi phí tố tụng: Anh Phan Văn T và chị Phạm Thị T1 phải có nghĩa vụ trả lại cho anh Phan Văn S và chị Phó Thị Xuân D số tiền 13.820.000đ chi phí giám định và xem xét thẩm định tại chỗ.

7. Về án phí:

7.1 Anh Phan Văn T và chị Phạm Thị T1 phải nộp 83.997.000đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và anh T, chị T1 không phải nộp án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Án phí được khấu trừ vào 4.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006359 ngày 23/12/2019; số 0006508 và số 0006507 cùng ngày 18/02/2010 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân nên anh T và chị T1 còn phải nộp thêm 79.997.000đ (Bảy mươi chín triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

7.2 Anh Phan Văn S và chị Phó Thị Xuân D được nhận lại số tiền 38.352.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005318 ngày 10/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H.Phú Tân;
- TAND.H.Phú Tân
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy Hà